

Số: 722/QĐ-ĐHTCQTKD

Hưng Yên, ngày 07 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tặng giấy khen và thưởng cán bộ, giảng viên, sinh viên
tham gia Hiến máu tình nguyện năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-TTg ngày 18/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ Về việc thành lập Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo Đại học hệ chính quy;

Căn cứ kết quả thực hiện Hiến máu tình nguyện ngày 20/10/2022 và ngày 28/10/2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng giấy khen và thưởng 10.260.000đ (Mười triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) cho 14 cán bộ, giảng viên và 328 sinh viên tham gia Hiến máu tình nguyện năm 2022 (có phụ lục danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Cố vấn học tập và các cán bộ, giảng viên, sinh viên có tên trên căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./. *ml*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban giám hiệu;
- Website nhà trường;
- Lưu: VT, CTSV.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Trọng Nghĩa



Phụ lục

DANH SÁCH TẶNG GIẤY KHEN VÀ THƯỞNG
CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN, SINH VIÊN HIỆN MÁU TÌNH NGUYỆN NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 722/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 04 tháng 12 năm 2022

của trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh)

Stt	Họ và tên		Đơn vị - Lớp	Số tiền	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh	Huyền	Khoa Kế toán - Kiểm toán	30.000	
2	Nguyễn Thị	Huyền	Khoa Kế toán - Kiểm toán	30.000	
3	Trịnh Thị Thanh	Thủy	Khoa Kế toán - Kiểm toán	30.000	
4	Phạm Thị	Lý	Khoa Kinh tế & KDQT	30.000	
5	Đỗ Thị Huyền	Thanh	Khoa Kinh tế & KDQT	30.000	
6	Vũ Thị	Trang	Khoa Lý luận chính trị	30.000	
7	Lưu Thị	Yến	Khoa Lý luận chính trị	30.000	
8	Phạm Linh	Chi	Khoa Quản trị kinh doanh	30.000	
9	Nguyễn Minh	Nhật	Khoa Thẩm định giá	30.000	
10	Lương Thị	Thoa	Phòng Quản trị thiết bị	30.000	
11	Bùi Văn	Bằng	Trung tâm HTSV & QHDN	30.000	
12	Nguyễn Thị	Thảo	Trung tâm Thông tin TV	30.000	
13	Đặng Thị Hải	Thanh	Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ	30.000	
14	Nguyễn Thị	Dùng	Trung tâm Y tế	30.000	
15	Đỗ Hải	Nguyên	CH5B	30.000	
16	Đào Duy	Nam	CT10A	30.000	
17	Dương Thị Ngọc	Huyền	KA9A	30.000	
18	Đỗ Phương	Thảo	KA9A	30.000	
19	Phùng Quang	Trường	KA9A	30.000	
20	Đinh Đức	Giáp	KA10A	30.000	
21	Nguyễn Thanh	Huyền	KA10A	30.000	
22	Đặng Thị Thu	Hà	KD10A	30.000	
23	Nguyễn Hồng	Thái	KD10A	30.000	
24	Nguyễn Thị Thu	Thảo	KD10A	30.000	
25	Trịnh Anh	Thơ	KD10A	30.000	
26	Ngô Hải	Yến	KD10A	30.000	
27	Đỗ Thị Thùy	Dung	KD10B	30.000	
28	Nguyễn Nhật	Linh	KD10B	30.000	
29	Nguyễn Phương	Nam	KD10B	30.000	
30	Hà Trọng	Nghĩa	KD10B	30.000	
31	Phạm Hồng	Ánh	KD10C	30.000	
32	Lê Thảo	Chi	KD10C	30.000	
33	Nguyễn Thị Thanh	Hà	KD10C	30.000	
34	Đỗ Thị Ngọc	Minh	KD10C	30.000	

Stt	Họ và tên		Đơn vị - Lớp	Số tiền	Ghi chú
35	Trương Thị	Ngọc	KD10C	30.000	
36	Ngô Minh	Tâm	KD10C	30.000	
37	Lê Thị Thu	Hằng	KD10D	30.000	
38	Nguyễn Phương	Hoa	KD10D	30.000	
39	Dương Thanh	Hằng	KD10E	30.000	
40	Đỗ Thị	Linh	KD10E	30.000	
41	Nguyễn Thị Thùy	Linh	KD10E	30.000	
42	Nguyễn Đức	Minh	KD10E	30.000	
43	Đinh Quang	Vinh	KD10E	30.000	
44	Nguyễn Thị Mai	Anh	KD10G	30.000	
45	Nguyễn Thùy	Linh	KD10G	30.000	
46	Lê Hoàng Bảo	Phương	KD10G	30.000	
47	Trương Hồng	Sơn	KD10G	30.000	
48	Trần Thu	Hoài	KD10H	30.000	
49	Lê Khánh	Huyền	KD10H	30.000	
50	Nguyễn Hà	Linh	KD10H	30.000	
51	Lã Yến	Nhi	KD10H	30.000	
52	Nguyễn Thị	Phương	KD10H	30.000	
53	Nguyễn Trường	Vũ	KD10H	30.000	
54	Đỗ Tú	Anh	KD7E	30.000	
55	Phạm Thị Minh	Chi	KD7E	30.000	
56	Nguyễn Thị	Đào	KD7E	30.000	
57	Ngô Thu	Hà	KD7E	30.000	
58	Vương Thành	Công	KD7G	30.000	
59	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	KD8B	30.000	
60	Trần Thị	Chu	KD8B	30.000	
61	Lê Thu	Hà	KD8B	30.000	
62	Nguyễn Thị Bích	Hằng	KD8B	30.000	
63	Vũ Thị Hồng	Hạnh	KD8B	30.000	
64	Ngô Hoài	Linh	KD8B	30.000	
65	Nguyễn Thị	Lương	KD8B	30.000	
66	Lê Quỳnh	Nga	KD8B	30.000	
67	Vũ Trang	Ngân	KD8B	30.000	
68	Phạm Thị Yến	Nhi	KD8B	30.000	
69	Lê Thị	Phương	KD8B	30.000	
70	Chu Hoài	Thương	KD8B	30.000	
71	Trần Thu	Uyên	KD8B	30.000	
72	Nguyễn Thị Thu	Yến	KD8B	30.000	
73	Nguyễn Thành	Công	KD8C	30.000	

Stt	Họ và tên		Đơn vị - Lớp	Số tiền	Ghi chú
74	Nguyễn Thiên	Nga	KD8C	30.000	
75	Nguyễn Thị Hà	Nguyên	KD8C	30.000	
76	Lê Thị	Sim	KD8C	30.000	
77	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	KD8C	30.000	
78	Hoàng Phương	Thùy	KD8C	30.000	
79	Phạm Vân	Anh	KD8D	30.000	
80	Đoàn Thu	Hiên	KD8D	30.000	
81	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	KD8D	30.000	
82	Trần Thị Khánh	Huyền	KD8D	30.000	
83	Đỗ Thị Bích	Liên	KD8D	30.000	
84	Trần Thị	Mai	KD8D	30.000	
85	Quách Đắc	Phúc	KD8D	30.000	
86	Nguyễn Thị	Thuy	KD8D	30.000	
87	Hoàng Thu	Trang	KD8D	30.000	
88	Bùi Mai	Chi	KD8E	30.000	
89	Trịnh Trang	Đức	KD8E	30.000	
90	Nguyễn Thị Thảo	Hiên	KD8E	30.000	
91	Nguyễn Mạnh	Kiểm	KD8E	30.000	
92	Trần Việt	Trình	KD8E	30.000	
93	Đào Thị Lan	Anh	KD8G	30.000	
94	Lê Thị Phương	Anh	KD8G	30.000	
95	Nguyễn Thị Huyền	Anh	KD8G	30.000	
96	Phạm Hồng	Duyên	KD8G	30.000	
97	Đỗ Duy	Hưng	KD8G	30.000	
98	Bùi Duy	Hưng	KD8G	30.000	
99	Đào Thị Hoài	Linh	KD8G	30.000	
100	Nguyễn Bảo	Luân	KD8G	30.000	
101	Đinh Thị	Thúy	KD8G	30.000	
102	Nguyễn Thị Như	Ý	KD8G	30.000	
103	Đỗ Thảo	Anh	KD8H	30.000	
104	Nguyễn Thị	Ánh	KD8H	30.000	
105	Đinh Thị Lê	Chi	KD8H	30.000	
106	Trần Thị	Hiên	KD8H	30.000	
107	Lê Thị	Hòa	KD8H	30.000	
108	Đỗ Trạng	Hùng	KD8H	30.000	
109	Phạm Ngọc	Huyền	KD8H	30.000	
110	Nguyễn Thanh	Huyền	KD8H	30.000	
111	Hà Khánh	Linh	KD8H	30.000	
112	Nguyễn Thị	Nhung	KD8H	30.000	

Stt	Họ và tên		Đơn vị - Lớp	Số tiền	Ghi chú
113	Trần Đức	Thắng	KD8H	30.000	
114	Phạm Thị Thanh	Tú	KD8H	30.000	
115	Phan Phương	Anh	KD9B	30.000	
116	Ngô Đình	Dương	KD9B	30.000	
117	Lê Phương	Linh	KD9B	30.000	
118	Đỗ Thị Lan	Phương	KD9B	30.000	
119	Nguyễn Văn	Thành	KD9B	30.000	
120	Phạm Hải	Yên	KD9B	30.000	
121	Chu Thị Ngọc	Ánh	KD9C	30.000	
122	Nguyễn Thị Ngọc	Chi	KD9C	30.000	
123	Nguyễn Thị Hà	Giang	KD9C	30.000	
124	Vũ Thị	Hiền	KD9C	30.000	
125	Trần Quốc	Huy	KD9C	30.000	
126	Nguyễn Thị Hồng	Mai	KD9C	30.000	
127	Nguyễn Thị	Mùi	KD9C	30.000	
128	Phạm Hồng	Nhung	KD9C	30.000	
129	Lê Thị Huyền	Trang	KD9C	30.000	
130	Phạm Thành	Đạt	KD9D	30.000	
131	Nguyễn Quang	Duy	KD9D	30.000	
132	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	KD9D	30.000	
133	Bùi Thị	Thương	KD9D	30.000	
134	Nguyễn Thị Vân	Hằng	KD9E	30.000	
135	Phùng	Hưng	KD9E	30.000	
136	Phạm Thị	Mai	KD9E	30.000	
137	Phạm Xuân	Mai	KD9E	30.000	
138	Trần Hải	Ngọc	KD9E	30.000	
139	Chu Trần Hương	Quỳnh	KD9E	30.000	
140	Đào Phương	Thảo	KD9E	30.000	
141	Nguyễn Thu	Hằng	KD9G	30.000	
142	Đinh Thanh	Tú	KD9G	30.000	
143	Đỗ Phương	Anh	KD9H	30.000	
144	Lê Thị	Hà	KD9H	30.000	
145	Phạm Minh	Hằng	KD9H	30.000	
146	Ngô Mai	Hương	KD9H	30.000	
147	Đỗ Xuân	Huỳnh	KD9H	30.000	
148	Đỗ Lê	Khánh	KD9H	30.000	
149	Chu Thị Thùy	Linh	KD9H	30.000	
150	Huỳnh Diệu	Linh	KD9H	30.000	
151	Phạm Hải	Lý	KD9H	30.000	

Stt	Họ và tên		Đơn vị - Lớp	Số tiền	Ghi chú
152	Lê Đức	Nam	KD9H	30.000	
153	Hà Kiều	Nhi	KD9H	30.000	
154	Phạm Thị	Phương	KD9H	30.000	
155	Vũ Thu	Phương	KD9H	30.000	
156	Bùi Thị	Thảo	KD9H	30.000	
157	Nguyễn Thị Huyền	Trang	KD9H	30.000	
158	Nguyễn Thị	Uyên	KD9H	30.000	
159	Đỗ Thị	Vui	KD9H	30.000	
160	Nguyễn Minh	Anh	KD9K	30.000	
161	Hoàng Thị Thùy	Dương	KD9K	30.000	
162	Nguyễn Thị Hương	Giang	KD9K	30.000	
163	Trịnh Minh	Hiếu	KD9K	30.000	
164	Nguyễn Huy	Hoàng	KD9K	30.000	
165	Hoàng Văn	Minh	KD9K	30.000	
166	Vương Hồng Thủy	Ngân	KD9K	30.000	
167	Nguyễn Phương	Quỳnh	KD9K	30.000	
168	Nguyễn Vũ Thanh	Tùng	KD9K	30.000	
169	Trần Duy	Tùng	KD9K	30.000	
170	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	KD9M	30.000	
171	Bùi Tuyết	Hoa	KD9M	30.000	
172	Trần Thanh	Hoàng	KD9M	30.000	
173	Nguyễn Thị Thu	Hồng	KD9M	30.000	
174	Đào Ngọc	Minh	KD9M	30.000	
175	Ngô Thị Phương	Nga	KD9M	30.000	
176	Đoàn Hương	Thảo	KD9M	30.000	
177	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	KD9M	30.000	
178	Dương Anh	Vũ	KD9M	30.000	
179	Hoàng Minh Tuấn	Anh	KD9N	30.000	
180	Mai Tùng	Dương	KD9N	30.000	
181	Trịnh Thị Ngọc	Minh	KD9N	30.000	
182	Nguyễn Hồng	Phúc	KD9N	30.000	
183	Phan Huy	Đức	NH10A	30.000	
184	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	NH10A	30.000	
185	Bùi Thị Thùy	Trang	NH10A	30.000	
186	Vũ Minh	Hiếu	NH8A	30.000	
187	Đào Ngọc	Khải	NH8A	30.000	
188	Nguyễn Thái	Minh	NH8A	30.000	
189	Lâm Vũ	Thiên	NH8A	30.000	
190	Lê Thị Thùy	Trang	NH8A	30.000	

Stt	Họ và tên		Đơn vị - Lớp	Số tiền	Ghi chú
191	Ngô Thị Lan	Anh	NH9A	30.000	
192	Bùi Trung	Dũng	NH9A	30.000	
193	Ma Văn	Đức	NH9A	30.000	
194	Nông Thái	Dương	NH9A	30.000	
195	Nguyễn Thị Thu	Hiền	NH9A	30.000	
196	Nguyễn Đức	Hiếu	NH9A	30.000	
197	Vũ Thị	Hòa	NH9A	30.000	
198	Bùi Quốc	Huy	NH9A	30.000	
199	Nguyễn Khánh	Linh	NH9A	30.000	
200	Trần Phú	Minh	NH9A	30.000	
201	Nguyễn Hồng	Sơn	NH9A	30.000	
202	Vũ Hồng	Sơn	NH9A	30.000	
203	Nguyễn Thanh	Tuyền	NH9A	30.000	
204	Ngô Tuấn	Anh	QM10A	30.000	
205	Nguyễn Lương	Hiếu	QM10A	30.000	
206	Nguyễn Hà	Phương	QM10A	30.000	
207	Nguyễn Như	Ý	QM10A	30.000	
208	Nguyễn Thị Hải	Anh	QM10B	30.000	
209	Nguyễn Trung	Kiên	QM10B	30.000	
210	Vũ Thị	Mai	QM10B	30.000	
211	Phạm Đình	Kiệt	QM8A	30.000	
212	Nguyễn Công	Nguyên	QM8A	30.000	
213	Đoàn Thị Kim	Huệ	QM9A	30.000	
214	Nguyễn Thị Minh	Tâm	QM9A	30.000	
215	Đinh Thị Ngọc	Thảo	QM9A	30.000	
216	Bùi Ngọc Thảo	Vy	QM9A	30.000	
217	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	QM9B	30.000	
218	Nguyễn Đức	Duy	QM9B	30.000	
219	Phạm Thu	Hiền	QM9B	30.000	
220	Trịnh Xuân	Kỳ	QM9B	30.000	
221	Nguyễn Hoàng	Lan	QM9B	30.000	
222	Đỗ Thị Quỳnh	Loan	QM9B	30.000	
223	Nguyễn Thị Hương	Ly	QM9B	30.000	
224	Phan Văn	Mạnh	QM9B	30.000	
225	Ứng Thị Quỳnh	Nga	QM9B	30.000	
226	Vũ Thị Minh	Nguyệt	QM9B	30.000	
227	Nguyễn Văn	Sáng	QM9B	30.000	
228	Tổng Đức	Thành	QM9B	30.000	
229	Đặng Thị	Trang	QM9B	30.000	

Stt	Họ và tên		Đơn vị - Lớp	Số tiền	Ghi chú
230	Hà Văn	Anh	QT10A	30.000	
231	Vì Ngọc Hương	Chi	QT10A	30.000	
232	Lê Tùng	Dương	QT10A	30.000	
233	Phạm Thị	Hậu	QT10A	30.000	
234	Đặng Quốc	Tuấn	QT10A	30.000	
235	Bùi Thị Hải	Yến	QT10A	30.000	
236	Đỗ Ngọc	Linh	QT10B	30.000	
237	Đỗ Thị Khánh	Ly	QT10B	30.000	
238	Phạm Thị Trà	My	QT10B	30.000	
239	Lê Thị Lâm	Oanh	QT10B	30.000	
240	Vũ Văn	Tuấn	QT10B	30.000	
241	Đào Tuấn	Anh	QT8A	30.000	
242	Vũ Phương	Anh	QT8A	30.000	
243	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	QT8A	30.000	
244	Nguyễn Phương	Linh	QT8A	30.000	
245	Trần Thị	Phượng	QT8A	30.000	
246	Trần Thúy	Quỳnh	QT8A	30.000	
247	Vũ Thị Phương	Thảo	QT8A	30.000	
248	Phạm Ngọc	Tĩnh	QT8A	30.000	
249	Nguyễn Văn	Triều	QT8A	30.000	
250	Vũ Đăng	Tuấn	QT8A	30.000	
251	Bùi Tuấn	Anh	QT8B	30.000	
252	Nguyễn Thị Hà	Giang	QT8B	30.000	
253	Nguyễn Thị Minh	Hằng	QT8B	30.000	
254	Phạm Thị Hồng	Hạnh	QT8B	30.000	
255	Nguyễn Mạnh	Hiền	QT8B	30.000	
256	Đặng Văn	Hoàng	QT8B	30.000	
257	Hoàng Bích	Ngọc	QT8B	30.000	
258	Nguyễn Văn	Tuấn	QT8B	30.000	
259	Nguyễn Ngọc	Anh	QT9A	30.000	
260	Phạm Thị Hồng	Anh	QT9A	30.000	
261	Nguyễn Duy	Hưng	QT9A	30.000	
262	Huỳnh Khắc Anh	Khiêm	QT9A	30.000	
263	Phạm Quốc	Lập	QT9A	30.000	
264	Dương Thị	Nhung	QT9A	30.000	
265	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	QT9A	30.000	
266	Trần Ngọc	Thắng	QT9A	30.000	
267	Đỗ Đức	Tài	QT9B	30.000	
268	Nguyễn Đức	Thành	QT9B	30.000	

Stt	Họ và tên		Đơn vị - Lớp	Số tiền	Ghi chú
269	Phạm Thị Huyền	Trang	QT9B	30.000	
270	Quách Huy	Trường	QT9B	30.000	
271	Nguyễn Xuân Hải	Vương	QT9B	30.000	
272	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	QT9C	30.000	
273	Nguyễn Nguyệt	Ánh	QT9C	30.000	
274	Phạm Khánh	Hòa	QT9C	30.000	
275	Bùi Minh	Hoàng	QT9C	30.000	
276	Nguyễn Văn	Khải	QT9C	30.000	
277	Đỗ Thị Hải	Linh	QT9C	30.000	
278	Vũ Bình	Minh	QT9C	30.000	
279	Vũ Văn	Ngọc	QT9C	30.000	
280	Đỗ Thị	Nhàn	QT9C	30.000	
281	Chu Thị	Như	QT9C	30.000	
282	Nguyễn Thị Thu	Phương	QT9C	30.000	
283	Đào Văn	Tâm	QT9C	30.000	
284	Nguyễn Huy	Thành	QT9C	30.000	
285	Nguyễn Đào Vi	Anh	TC10A	30.000	
286	Lê Ngọc	Diệp	TC10A	30.000	
287	Bùi Thị	Hương	TC10A	30.000	
288	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	TC10A	30.000	
289	Lê Phú	Quý	TC10A	30.000	
290	Ngô Hoàng Thùy	Linh	TC10B	30.000	
291	Trần Trọng	Nghĩa	TC10B	30.000	
292	Nguyễn Hoàng	Quyên	TC10B	30.000	
293	Hoàng Anh	Vũ	TC10B	30.000	
294	Nguyễn Nhân	Anh	TC8A	30.000	
295	Bùi Thị Kim	Cúc	TC8A	30.000	
296	Triệu Thị Thúy	Hà	TC8A	30.000	
297	Phạm Thị	Hương	TC8A	30.000	
298	Ngô Thị Thu	Hường	TC8A	30.000	
299	Nguyễn Thu	Phương	TC8A	30.000	
300	Nguyễn Ngọc	Son	TC8A	30.000	
301	Nguyễn Trung	Thực	TC8A	30.000	
302	Đào Minh	Tuấn	TC8A	30.000	
303	Phùng Đức	Vinh	TC8A	30.000	
304	Nguyễn Lan	Anh	TC9A	30.000	
305	Phạm Thị Kim	Anh	TC9A	30.000	
306	Đỗ Văn	Duy	TC9A	30.000	
307	Nguyễn Trần Trung	Kiên	TC9A	30.000	

Stt	Họ và tên		Đơn vị - Lớp	Số tiền	Ghi chú
308	Nguyễn Trà	My	TC9A	30.000	
309	Vũ Ngọc Phi	Sơn	TC9A	30.000	
310	Phạm Thanh	Tâm	TC9A	30.000	
311	Tòng Văn	Thuận	TC9A	30.000	
312	Đinh Ngọc	Tùng	TC9A	30.000	
313	Ngô Sinh	Vượng	TC9A	30.000	
314	Nguyễn Thị Linh	Bình	TC9B	30.000	
315	Đào Hương	Giang	TC9B	30.000	
316	Lê Thúy	Hường	TC9B	30.000	
317	Tạ Thị Yến	Nhi	TC9B	30.000	
318	Bùi Đức	Mạnh	TH8.01	30.000	
319	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	TH8.01	30.000	
320	Trịnh Thanh	Trang	TH8.01	30.000	
321	Trần Hoàng	Anh	TH9.01	30.000	
322	Trần	Hoàn	TH9.01	30.000	
323	Lê Hoàng	Linh	TH9.01	30.000	
324	Trần Thế	Sơn	TH9.01	30.000	
325	Trương Thị	Uyên	TH9.01	30.000	
326	Ngô Thị Kim	Ánh	TM10A	30.000	
327	Nguyễn Thị	Hảo	TM10A	30.000	
328	Lương Thảo	Hiền	TM10A	30.000	
329	Trần Thị	Huyền	TM10A	30.000	
330	Nguyễn Lê Hoàng	Tùng	TM10A	30.000	
331	Đặng Thị Ngọc	Anh	TM8A	30.000	
332	Bùi Lan	Anh	TM9A	30.000	
333	Phạm Tiến	Cường	TM9A	30.000	
334	Ngô Thị	Dương	TM9A	30.000	
335	Nguyễn Ánh	Dương	TM9A	30.000	
336	Lê Thị Hoàng	Lê	TM9A	30.000	
337	Bùi Quang	Linh	TM9A	30.000	
338	Nguyễn Thanh	Nam	TM9A	30.000	
339	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	TM9A	30.000	
340	Đào Nguyễn Hồng	Quân	TM9A	30.000	
341	Tòng Văn	Quốc	TM9A	30.000	
342	Lê Quang	Trường	TM9A	30.000	
Tổng cộng				10260.000	

(Mười triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng)